CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 30/06/2025	7,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần *Q2/25*
8.06 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 2.24| 38.5%
YoY: ▲ 0.56| 7.5%

LN thuần *Q2/25*
-5.98 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼3.39| -131%
YoY: ▲ 2.56| 30.0%

LN sau thuế *Q2/25*
-3.39 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.79| -30.2%
YoY: ▼15.6| -128%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
-40.9%
YoY: +/-▲ 3.5%

ROE (TTM) *Q2/25*
-5.7%
YoY: +/-▼ 9.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
Số lượng CPLH (CP)	18,644,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	-511
P/E	-15.1

DT thuần *6T 2025*
13.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 0.10| 0.4%

LN thuần *6T 2025*
-8.57 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 3.23| 27.4%

LN sau thuế *6T 2025*
-5.99 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼15.1| -166%

Cơ cấu sở hữu

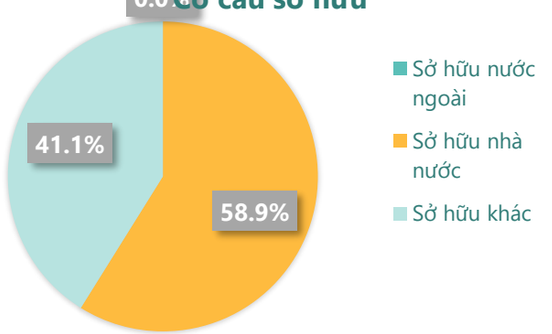

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

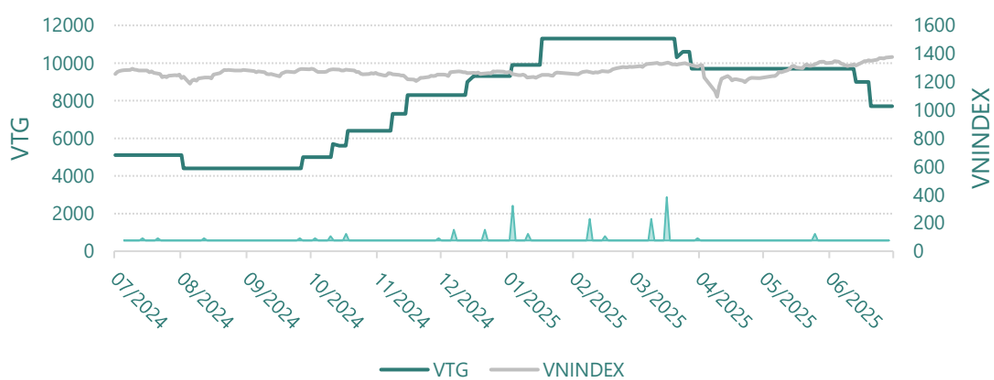

Cơ cấu cổ đông

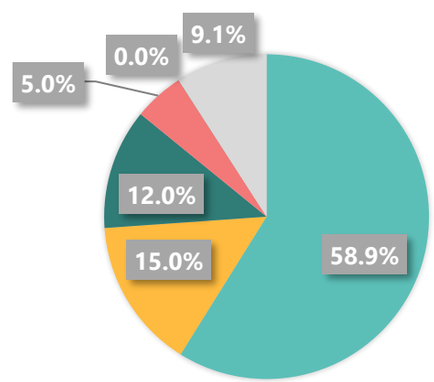

- UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Dịch vụ du lịch Hải An
- Công ty TNHH Thương mại - Du lịch Ngọc Lâm
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại An Khang
- Nguyễn Hồng Ân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

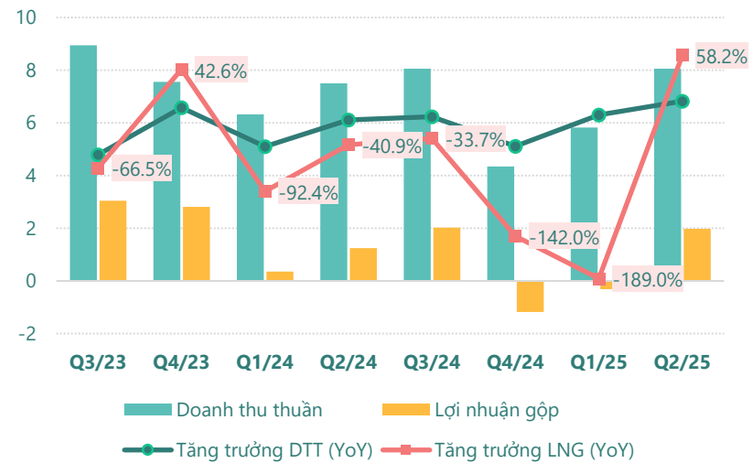

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

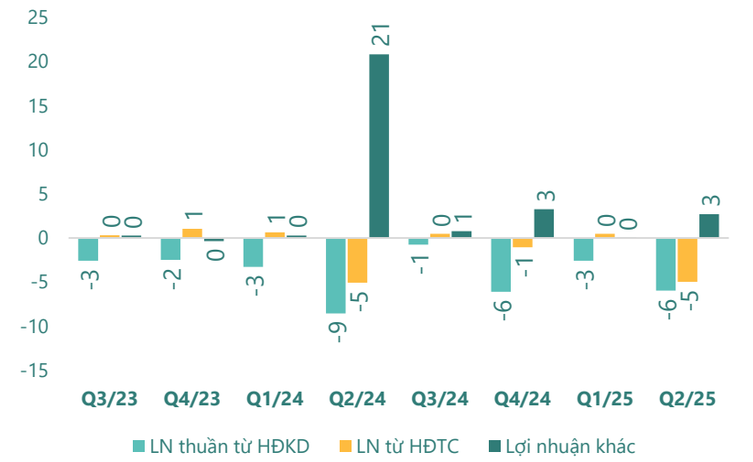

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

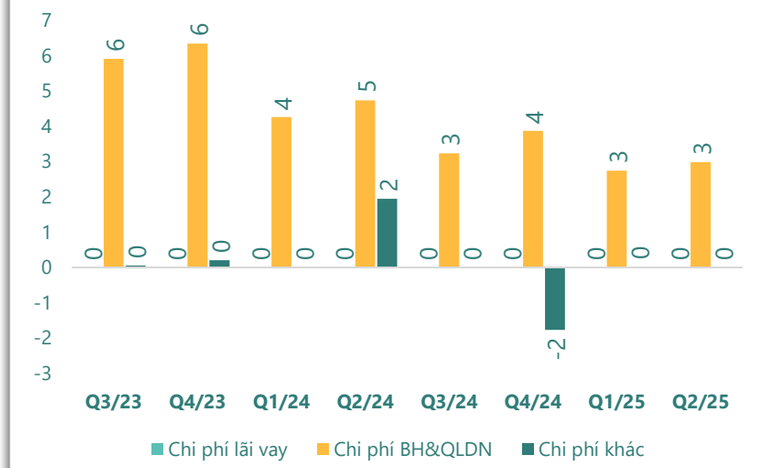

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

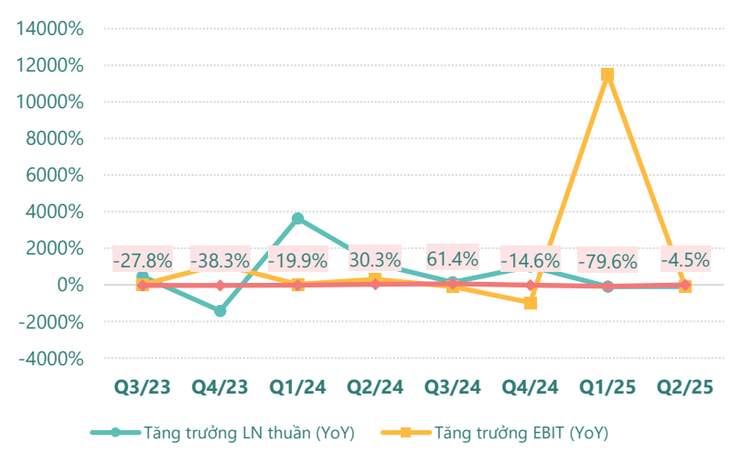

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

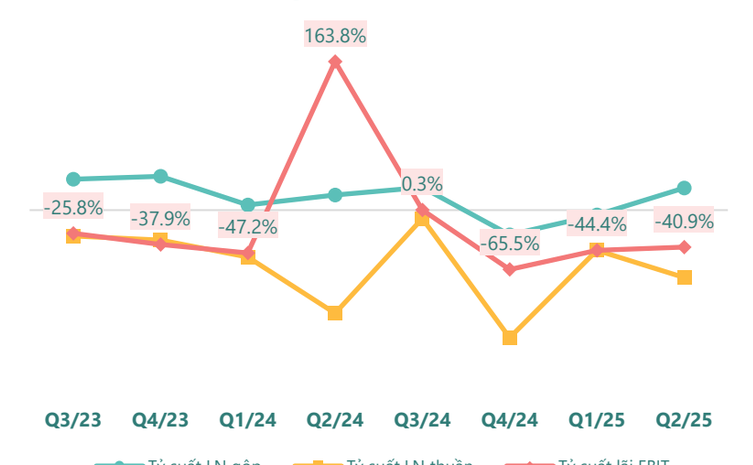

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

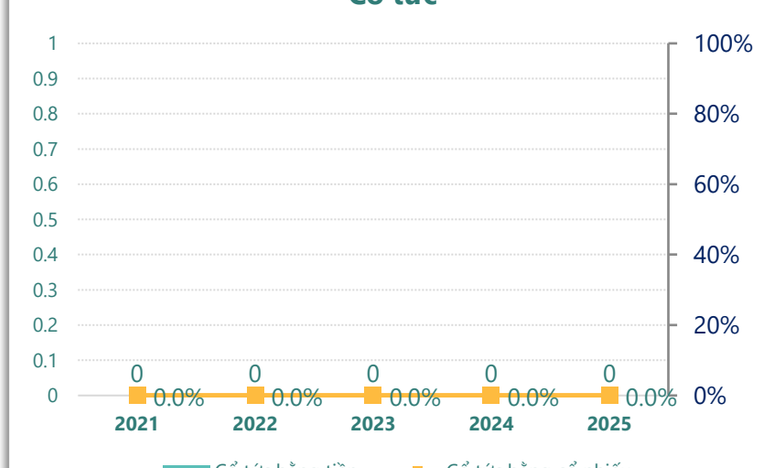

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

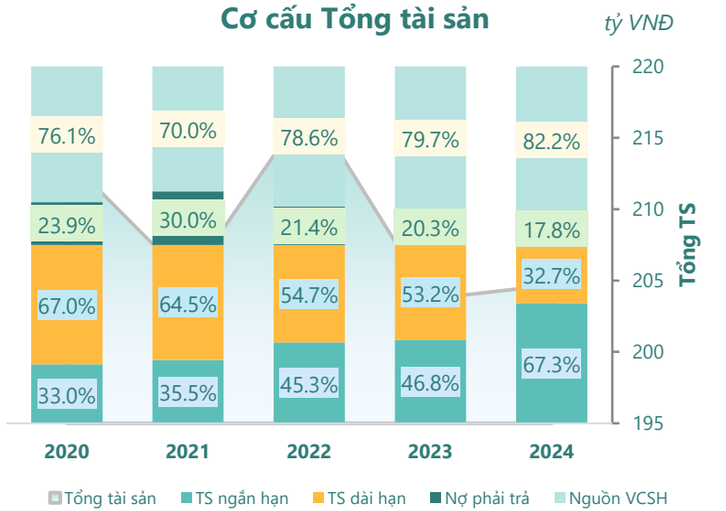

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

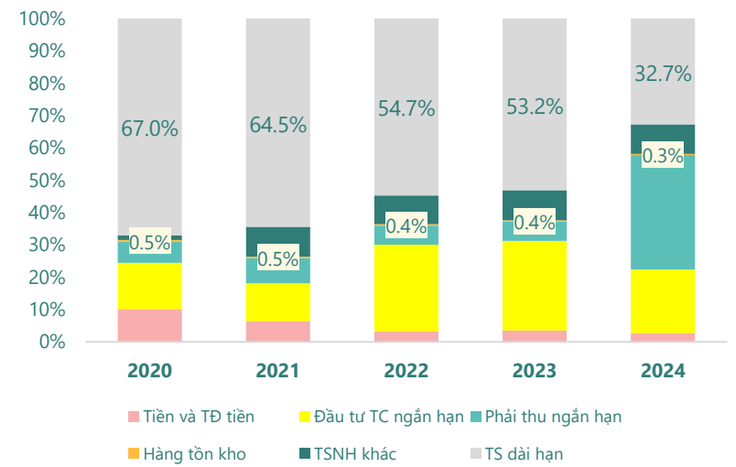

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

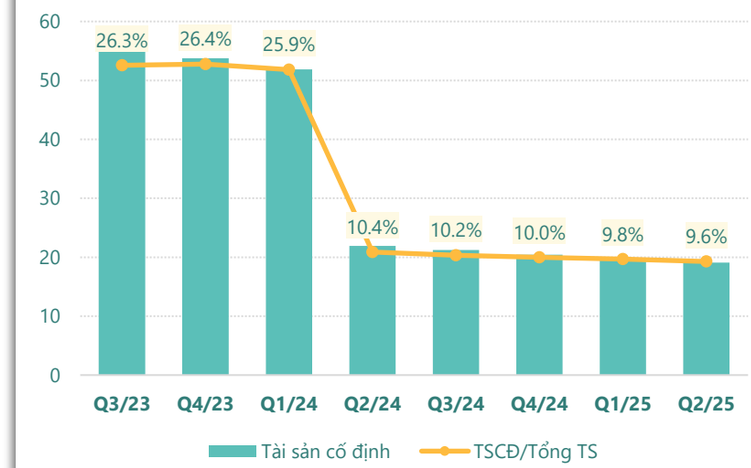

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

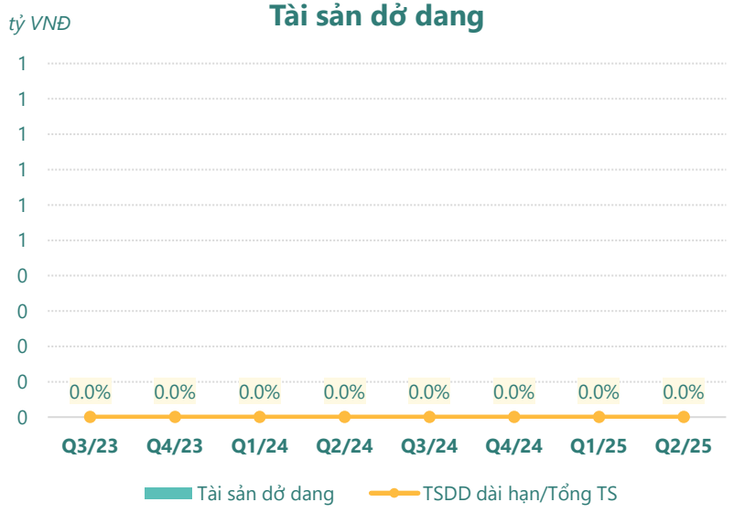

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

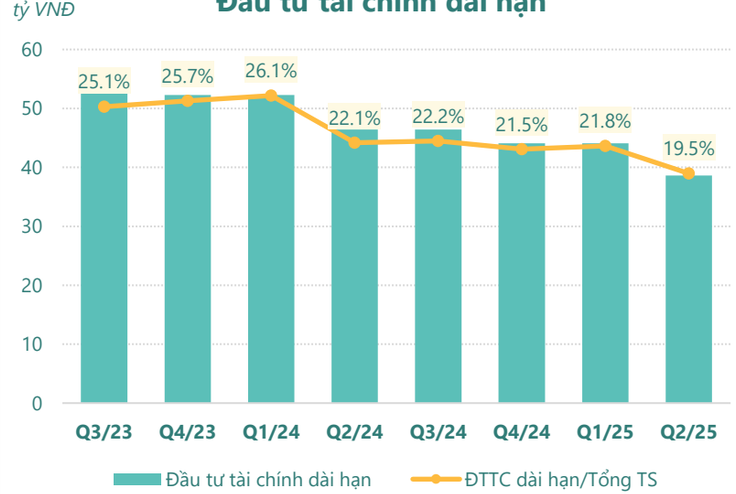

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

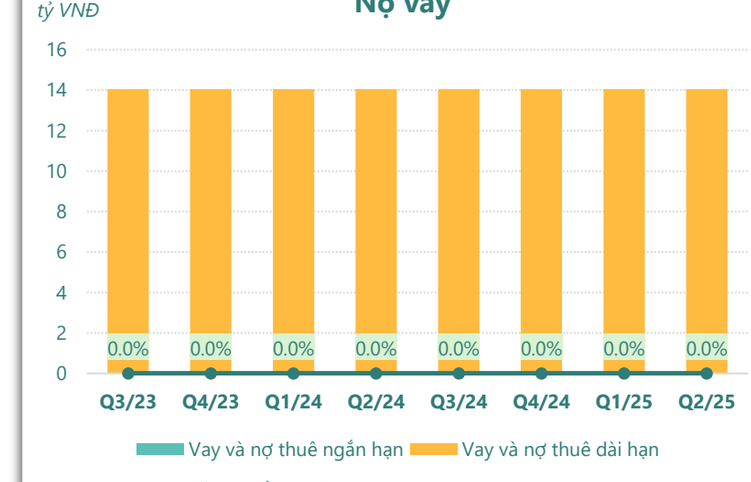

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

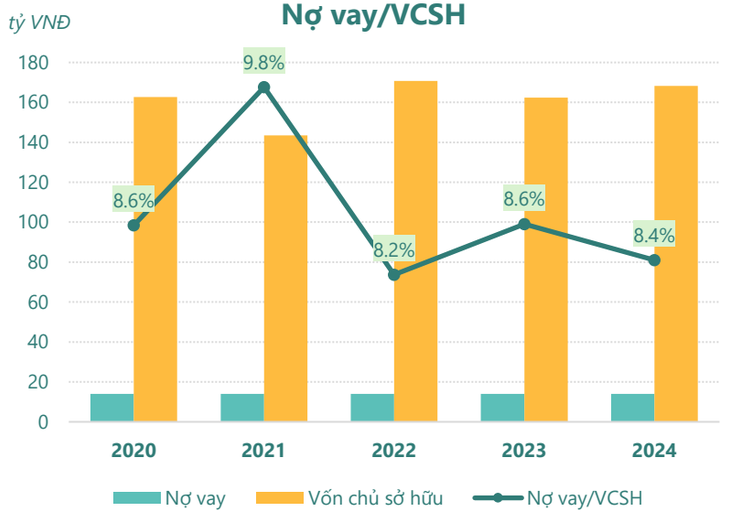

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

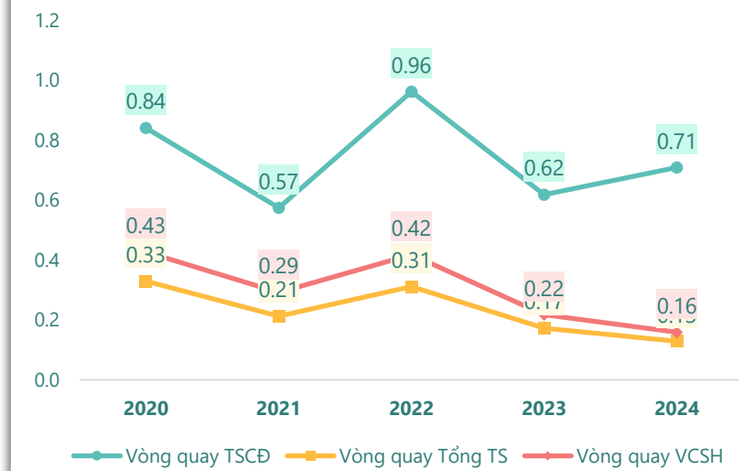

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

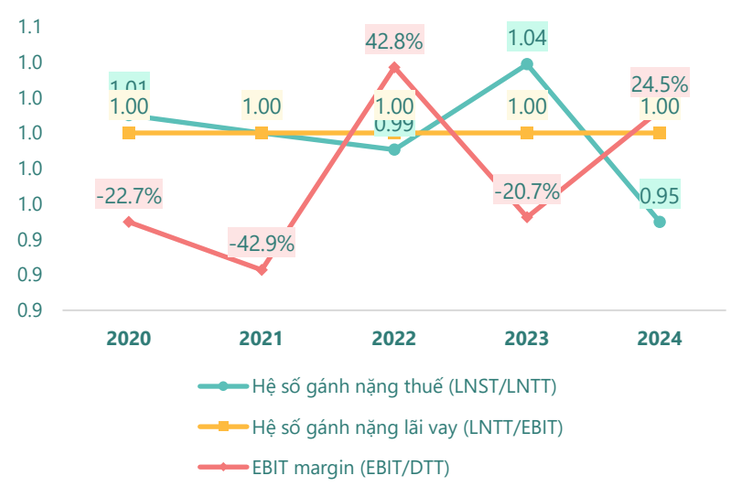

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

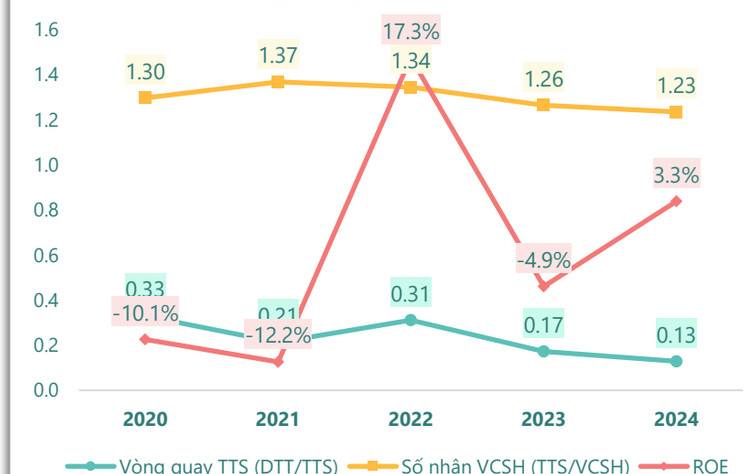

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

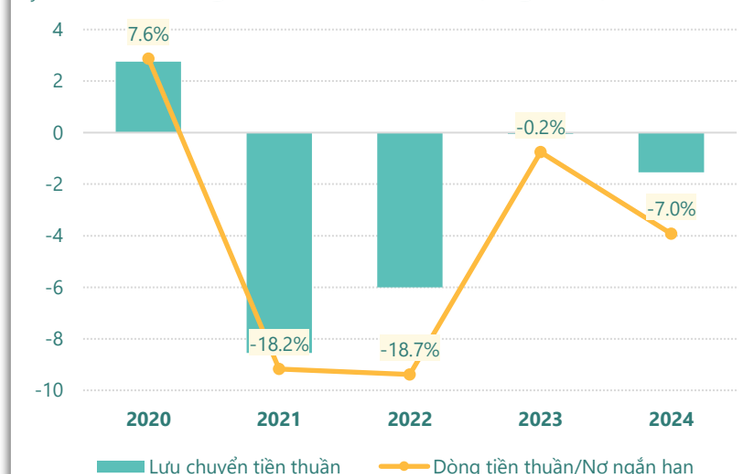

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.06**	**7.50**	**7.5%**	**13.9**	**13.8**	**0.4%**
Giá vốn hàng bán	6.09	6.25	-2.6%	12.2	12.2	0.0%
Lợi nhuận gộp	1.97	1.25	57.9%	1.66	1.60	3.3%
Doanh thu HĐTC	0.51	0.78	-34.5%	0.98	1.42	-30.7%
Chi phí TC	5.49	5.83	-5.9%	5.49	5.83	-5.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.29	0.56	-47.7%	0.49	1.13	-56.8%
Chi phí QLDN	**2.69**	**4.18**	**-35.7%**	**5.24**	**7.87**	**-33.5%**
LN thuần từ HĐKD	-5.98	-8.54	30.0%	-8.57	-11.8	27.4%
Lợi nhuận khác	**2.69**	**20.8**	**-87.1%**	**2.69**	**21.1**	**-87.3%**
LN trước thuế	-3.30	12.3	-127%	-5.88	9.31	-163%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.39**	**12.2**	**-128%**	**-5.99**	**9.13**	**-166%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.56**	**12.1**	**-129%**	**-6.19**	**8.93**	**-169%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.88	-3.68	-12.4	-5.49	-2.58	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.6	-27.9	11.4	4.06	1.06	3.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	-0.15	0	0	-0.50	0
Tiền đầu kỳ	7.10	37.7	5.97	4.98	5.55	3.53
Lưu chuyển tiền thuần	**30.6**	**-31.7**	**-0.99**	**-1.43**	**-2.03**	**3.71**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	37.7	5.97	4.98	3.55	3.53	7.24

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**198**	**205**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	137	138	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	7.24	5.55	30.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.6	40.2	-6.6%
Phải thu ngắn hạn	73.2	72.5	1.0%
Hàng tồn kho	0.50	0.60	-16.4%
Tài sản ngắn hạn khác	19.0	18.8	0.9%
Tài sản dài hạn	**60.7**	**67.0**	**-9.4%**
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	19.1	20.5	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	38.6	44.1	-12.4%
Tài sản dài hạn khác	**2.49**	**1.93**	**29.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36.3	36.4	-0.3%
Nợ ngắn hạn	**22.0**	**22.1**	**-0.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.40	1.06	31.8%
Nợ dài hạn	14.3	14.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.1	14.1	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**162**	**168**	**-3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**162**	**168**	**-3.8%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)